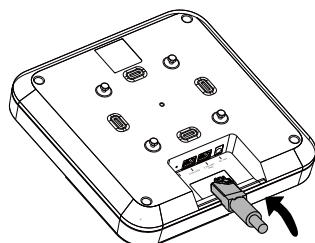
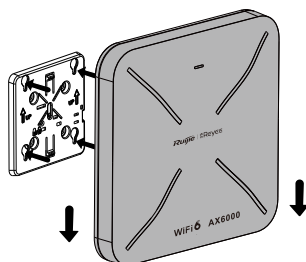


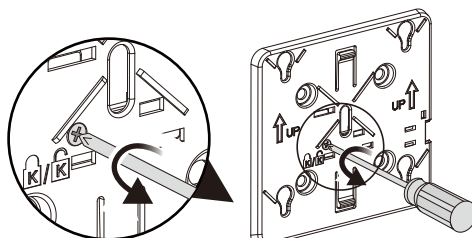
4. Kết nối cáp Ethernet với cổng LAN ở mặt sau AP.



5. Căn chỉnh các góc vuông ở mặt sau của Điểm truy cập (AP) với các lỗ gắn trên giá đỡ. Ráp Điểm truy cập (AP) vào các lỗ cho đến khi khớp vào vị trí.

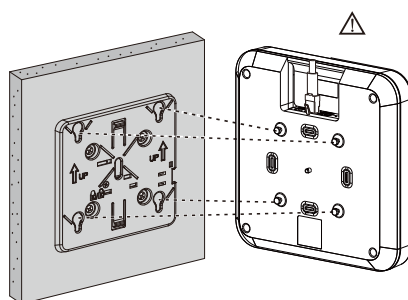


1.7 Gắn Điểm truy cập với Khóa bảo mật (Tùy chọn)



Khoan bốn lỗ

Nới lỏng vít an toàn để gắn khóa bảo mật.



Nối cáp ethernet trước khi lắp điểm truy cập mạng lên giá đỡ

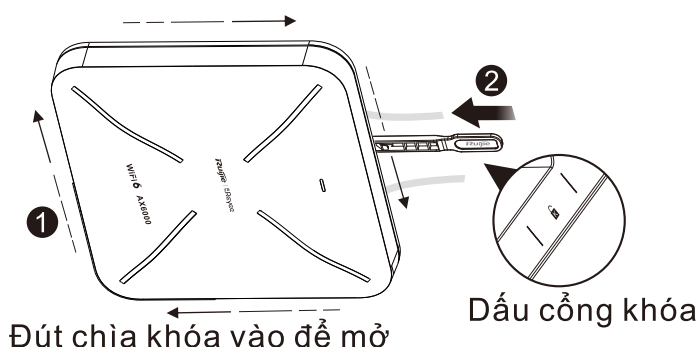
Căn chỉnh các góc vuông ở mặt sau của Điểm truy cập (AP) trên các lỗ gắn trên giá đỡ. Ráp Điểm truy cập (AP) vào các lỗ lắp.

Cảnh báo:

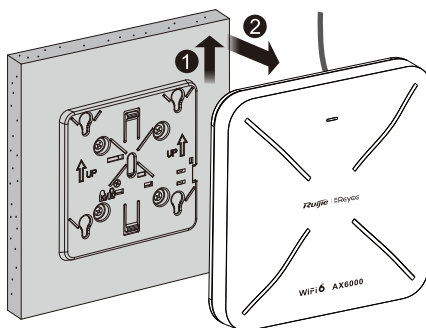
Trượt AP vào các lỗ lắp theo hướng ngược lại của mũi tên (LÊN) được chỉ ra trên giá đỡ cho đến khi khớp vào vị trí. Không trượt mạnh Điểm truy cập (AP) vào các lỗ lắp trên giá đỡ. Sau khi cài đặt, hãy xác minh rằng AP được bảo mật đúng cách trên khung.

1.8 Xóa điểm truy cập

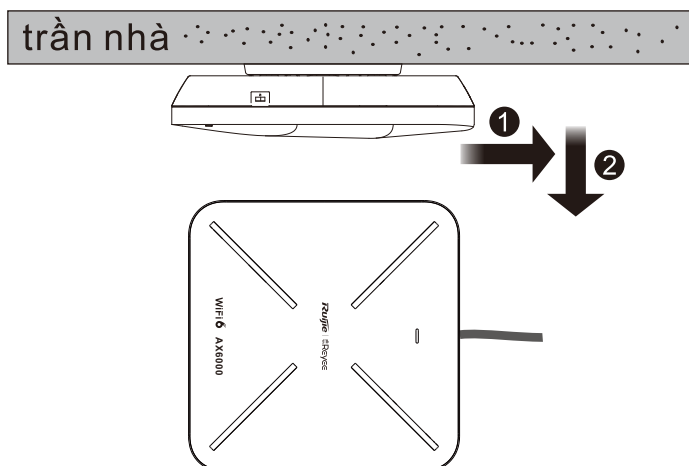
1. Nếu sử dụng khóa bảo mật, hãy giữ phần đầu của chìa khóa áp vào cạnh của giá đỡ (với biểu tượng Ruijie trên chìa khóa hướng lên trên). Trượt phím dọc theo bốn cạnh của giá đỡ.
2. Cố gắng đưa chìa khóa vào lỗ khóa. Chỉ có thể được đưa vào một lỗ khóa được đánh dấu.



Tháo Điểm truy cập (AP) treo tường



Giữ Điểm truy cập (AP) trên tay và đẩy nó lên trên và ra khỏi giá đỡ.



Giữ Điểm truy cập (AP) trên tay và cố gắng đẩy nó ra khỏi giá đỡ theo từng hướng. Điểm truy cập (AP) chỉ có thể được đẩy ra theo một trong bốn hướng.

1.9 Định cấu hình Điểm truy cập

Cách 1 (đề xuất)

Quét mã QR trong mục hướng dẫn sử dụng hoặc trên thiết bị để tải ứng dụng Đám mây Ruijie. Tìm lần sử dụng Đám mây Ruijie đầu tiên? Làm theo hướng dẫn trên Ứng dụng để định cấu hình mạng.



Cách 2

1. Kết nối điểm truy cập với SSID. Nếu có nhiều thiết bị trong mạng, hãy sử dụng SSID @ Ruijie-mXXXX. Nếu chỉ có một thiết bị hiện tại trong mạng, hãy sử dụng SSID @ Ruijie-sXXXX. Bạn cũng có thể tạo kết nối có dây bằng cách kết nối PC với cổng Ethernet của điểm truy cập bằng cáp Ethernet.
2. Nếu chỉ có một thiết bị Reyee trong mạng, hãy truy cập <http://192.168.120.1> qua trình duyệt. Nếu không, hãy truy cập <http://10.44.77.253>. Trong trường hợp thứ hai, hãy định cấu hình điện thoại hoặc PC của bạn bằng địa chỉ IP trong cùng một phân đoạn mạng là 10.44.77.253, ví dụ: 10.44.77.250.
3. Nhấp vào Bắt đầu thiết lập để tạo các dự án mạng.

1.10 Phụ lục

Công suất đầu vào	Bộ nguồn cục bộ: 48 V DC/1 A			
	Chuẩn PoE: Chuẩn IEEE 802.3bt, tương thích ngược với chuẩn IEEE 802.3at			
Chế độ Bộ nguồn	2.4 GHz	5 GHz	Tốc độ dữ liệu	Điện năng tiêu thụ tối đa
Chuẩn IEEE 802.3bt (đề xuất)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Bộ đổi nguồn PoE thụ động 60 W (Phụ kiện tùy chọn)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Bộ nguồn cục bộ (48 V DC /1 A)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Chuẩn IEEE 802.3at	2 x 2	2 x 2	2976 Mbps	25 W
Lưu ý: Điểm truy cập không tuân theo chuẩn 802.3af.				

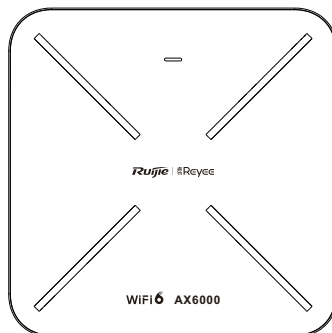
Buku Panduan

1.1 Isi Paket

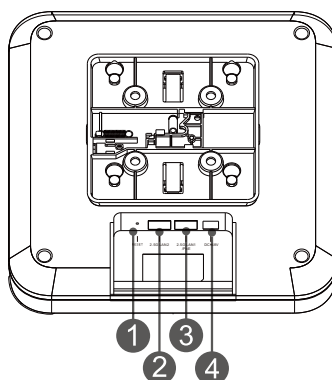
Barang	Jumlah
Akses Poin RG-RAP2260(H)	1
Braket Pemasangan	1
Sekrup Phillips	4
Jangkar Dinding	4
Buku Panduan	1
Sertifikat Kualitas	1

1.2 Fitur Perangkat Keras

Tampilan Atas



Tampilan Bawah



Catatan: ① Lubang RESET ② Port LAN2/2.5G
 ③ Port LAN1/2.5G/PoE ④ Port masukan daya 48 V DC

Suplai daya PoE: Hubungkan salah satu ujung kabel Ethernet ke port LAN1/2.5G/PoE akses poin, lalu ujung lainnya ke switch PoE atau perangkat lain dengan sumber daya PoE (PSE).

Suplai daya DC: Hubungkan adaptor daya DC (48 V/1A) ke port masukan daya DC akses poin.

1.3 Spesifikasi Teknis

Hal	Spesifikasi
Ukuran (P x L x T)	230 mm × 230 mm × 48mm (9.06 inci × 9.06 inci × 1.89 inci, tanpa braket pemasangan)
Kecepatan Data	2.4 GHz: hingga 1148 Mbps 5 GHz: hingga 4804 Mbps Digabung: 5952 Mbps
Radio Kerja	802.11 b/g/n/ax: 2.4 GHz hingga 2.4835 GHz 802.11 a/n/ac/ax: 5.150 GHz hingga 5.350 GHz, 5.470 GHz hingga 5.850 GHz
Antena	Dilengkapi antena omnidireksional
Port Layanan	Dua port Ethernet self-adaptive 10/100/1000/2500 Mbps
Restart/Reset	Mendukung
LED Status	Mendukung
Suplai Daya	Tersedia tiga mode suplai daya: • Standar PoE: Standar IEEE 802.3bt standar, saling kompatibel dengan standar IEEE 802.3at • Adaptor PoE pasif 60 W (Aksesori opsional) • Suplai daya lokal: 48 V DC /1 A Catatan: Akses poin ini tidak sesuai dengan 802.3af. (Lihat lampiran mode suplai daya dan kecepatan data masing-masing.)
Konsumsi Daya Maks.	≤ 40 W
Lingkungan	Temperatur Kerja: 0°C hingga 40°C (32°F hingga 104°F) Temperatur Penyimpanan: -40°C hingga 70°C (-40°F hingga 158°F) Kelembaban Kerja: 5% hingga 95% (tidak berembun) Kelembaban Penyimpanan: 5% hingga 95% (tidak berembun)
Berat	≤ 1.8 kg (3.97 pon, tanpa braket pemasangan)
Warna	Putih hangat

1.4 LED dan Lubang Reset

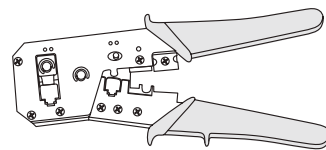
LED	Status	Deskripsi
	Menyala biru	Akses poin bekerja dengan baik tanpa adanya alarm.
	Mati	Akses poin mati.
	Berkedip lambat	Akses poin bekerja dengan baik namun terdapat alarm.
	Berkedip cepat	Kemungkinan: 1. Mengembalikan pengaturan ke setelan pabrik. 2. Memperbarui firmware. 3. Menangani alarm secara otomatis.

		4. Akses poin mulai menyala.
Lubang Reset	Tekan dan tahan jarum ke dalam lubang Reset selama kurang dari 2 detik.	Restart akses poin.
	Tekan dan tahan jarum ke dalam lubang Reset selama lebih dari 5 detik.	Mengembalikan pengaturan akses poin ke setelan pabrik.

1.5 Peralatan (Disediakan Pelanggan)



Obeng Phillips

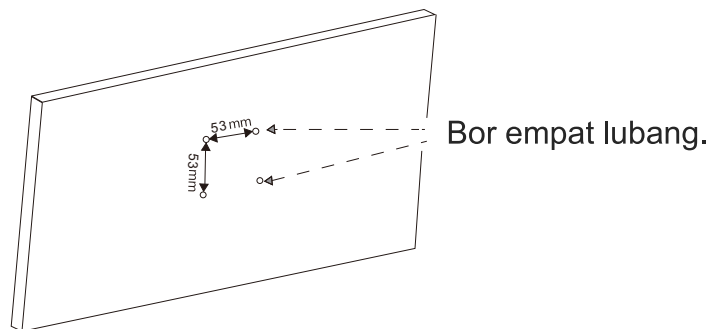


Tang Crimping

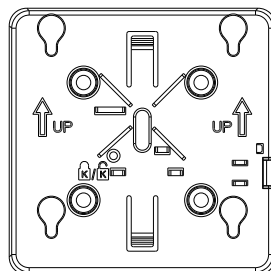
1.6 Pemasangan Akses Poin tanpa Kunci Pengaman

Untuk memasang AP dengan Kunci Pengaman, lihat Pemasangan Akses Poin dengan Kunci Pengaman.

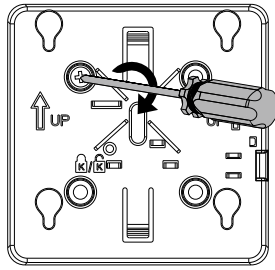
1. Bor empat lubang dengan jarak 53 mm (2.09 in) di dinding atau langit-langit



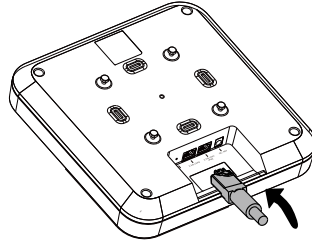
2. Ambil braket pemasangan dari dalam paket.



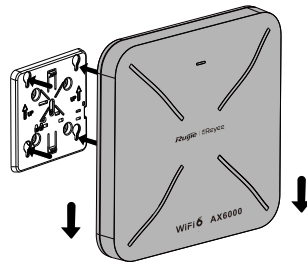
3. Kencangkan braket pemasangan pada dinding atau langit-langit menggunakan sekrup.



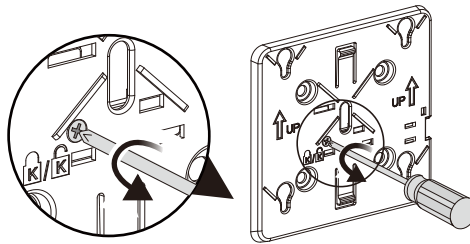
4. Hubungkan kabel Ethernet ke port LAN pada bagian belakang AP.



5. Sejajarkan kaki persegi pada bagian belakang AP dengan lubang pemasangan pada braket. Tarik AP ke lubang pemasangan hingga pas terpasang.

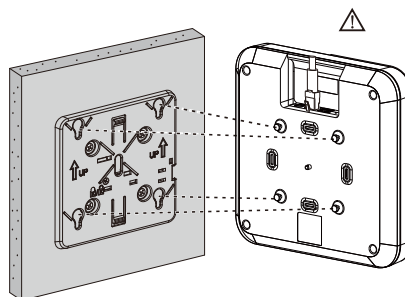


1.7 Pemasangan Akses Poin dengan Kunci Pengaman (Opsional)



Longgarkan sekrup pengaman

Longgarkan sekrup pengaman untuk menggunakan kunci pengaman.



⚠ Pasang kabel Ethernet sebelum memasang AP pada braket

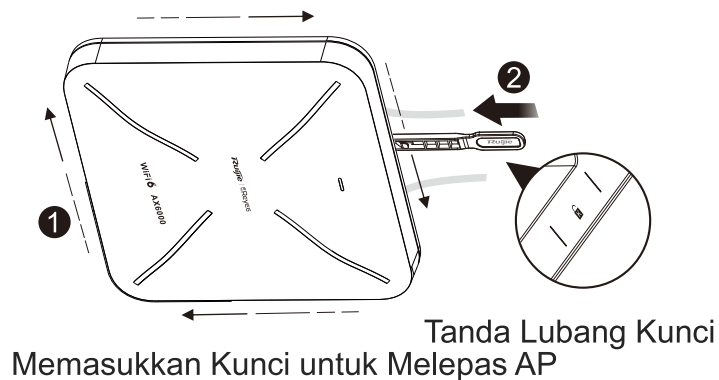
Sejajarkan kaki persegi pada bagian belakang AP dengan lubang pemasangan pada braket. Tarik AP ke lubang pemasangan.

Perhatian:

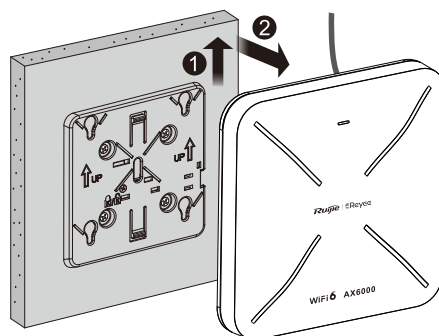
Tarik AP ke lubang pemasangan berlawanan arah dengan tanda panah (ATAS) yang terdapat pada braket hingga terdengar klik. Jangan paksa menarik AP ke lubang pemasangan braket. Setelah pemasangan, pastikan bahwa AP terpasang dengan benar pada braket.

1.8 Melepas Akses Poin

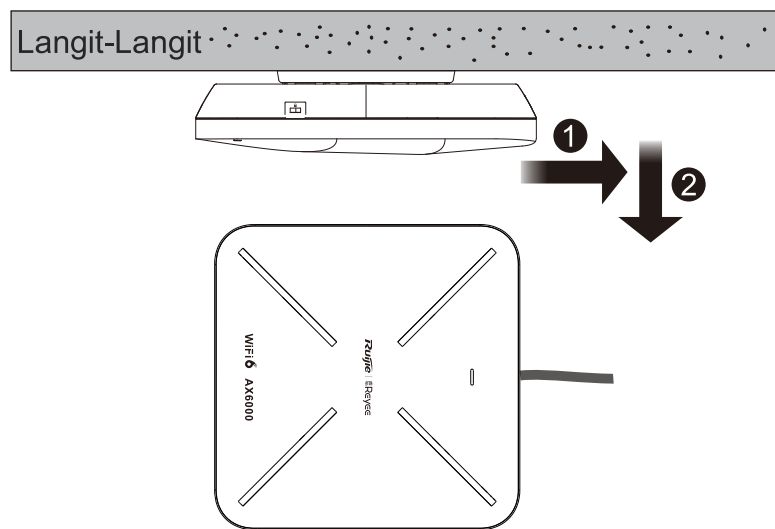
1. Jika menggunakan kunci pengaman, letakkan bagian atas kunci terhadap ujung braket pemasangan (dengan logo Ruijie yang ada pada kunci menghadap ke atas). Geser kunci bersamaan dengan keempat ujung braket pemasangan.
2. Coba masukkan kunci ke lubang kunci. Hanya dapat dimasukkan ke satu tanda lubang kunci.



Melepaskan AP yang Dipasang di Dinding



Tahan AP pada tangan anda lalu dorong ke atas serta lepaskan dari braket.
Melepas AP yang Dipasang di Langit-langit

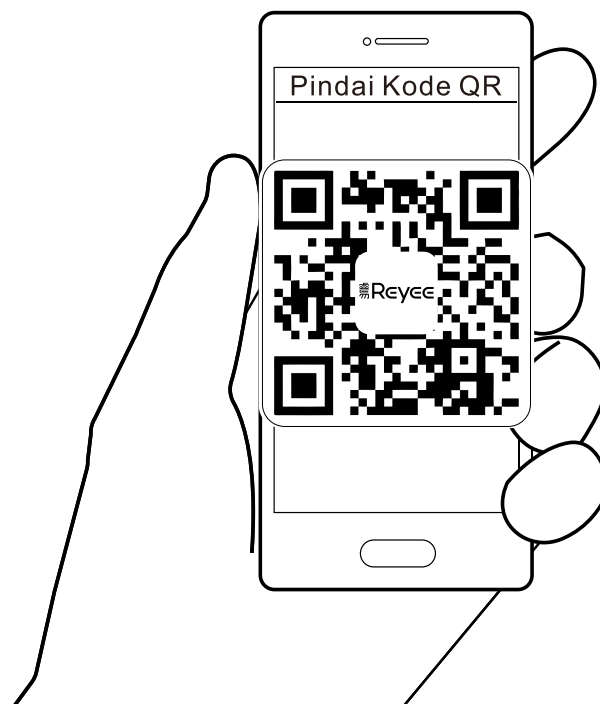


Tahan AP pada tangan anda lalu coba dorong dari setiap sisi braket. AP hanya bisa dilepaskan melalui salah satu sisi.

1.9 Konfigurasi Akses Poin

Cara 1 (Disarankan)

Pindai kode QR di dalam buku panduan atau pada perangkat untuk mengunduh APP Ruijie Cloud. Pertama kali menggunakan Ruijie Cloud? Ikuti panduan pada App untuk mengonfigurasi jaringan.



Cara 2

1. Hubungkan akses poin ke SSID. Jika terdapat beberapa perangkat di dalam jaringan, gunakan SSID @Ruijie-mXXXX. Jika hanya ada satu perangkat di dalam jaringan, gunakan SSID @Ruijie-sXXXX. Anda juga dapat membuat koneksi kabel dengan menghubungkan PC anda ke port Ethernet akses poin menggunakan kabel Ethernet.

2. Jika hanya ada satu perangkat Reye di dalam jaringan, akses <http://192.168.120.1> melalui peramban. Atau, akses <http://10.44.77.253>. Jika mengakses IP yang kedua, konfigurasi ponsel atau PC anda dengan alamat IP yang berada di jaringan yang sama dengan 10.44.77.253, contoh, 10.44.77.250.
3. Klik Mulai Pengaturan untuk membuat proyek jaringan.

1.10 Lampiran

Masukan Daya	Suplai Daya Lokal: 48 V DC/1 A			
	Standar PoE: Standar IEEE 802.3bt, saling kompatibel dengan standar IEEE 802.3at			
Mode Suplai Daya	2.4 GHz	5 GHz	Kecepatan Data	Konsumsi Daya Maks.
Standar IEEE 802.3bt (Disarankan)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Adaptor PoE Pasif 60 W (Aksesori Opsional)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Suplai Daya Lokal (48 V DC /1 A)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Standar IEEE 802.3at	2 x 2	2 x 2	2976 Mbps	25 W
Catatan: Akses poin tidak sesuai dengan 802.3af.				

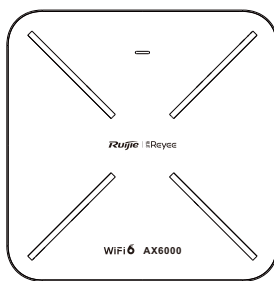
Руководство пользователя

1.1 Комплект поставки

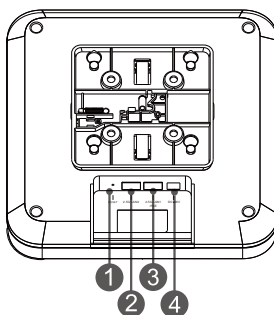
Компонент	Количество
Точка доступа RG-RAP2260(H)	1
Монтажный кронштейн	1
Винт с крестообразным шлицем	4
Стеновой анкер	4
Руководство пользователя	1
Сертификат качества	1

1.2 Аппаратные характеристики

Вид сверху



Вид снизу



Примечание:

- | | |
|------------------------|--|
| ① отверстие для сброса | ② порт LAN2/2.5G |
| ③ порт LAN1/2.5G/PoE | ④ входной разъем питания 48 В постоянного тока |

Питание PoE: подключите один конец кабеля Ethernet к порту LAN1/2.5G/PoE точки доступа, а другой конец кабеля Ethernet — к коммутатору с поддержкой PoE или к другому источнику питания.

Питание от источника питания постоянного тока: подключите адаптер питания постоянного тока (48 В/1 А) к входному разъему питания постоянного тока на точке доступа.

1.3 Технические характеристики

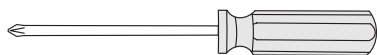
Компонент	Спецификация
Размеры (Д x Ш x В)	230 мм × 230 мм × 48 мм (9,06 дюйма × 9,06 дюйма × 1,89 дюйма), без монтажного кронштейна
Скорость передачи данных	2,4 ГГц: до 1148 Мбит/с 5 ГГц: до 4804 Мбит/с Объединенная скорость передачи данных: 5952 Мбит/с
Рабочий протокол радиосвязи	802.11 b/g/n/ax: от 2,4 ГГц до 2,4835 ГГц 802.11 a/n/ac/ax: от 5,150 ГГц до 5,350 ГГц, от 5,470 ГГц до 5,850 ГГц
Антенна	Встроенная круговая антенна
Служебные порты	Два самонастраивающихся порта Ethernet 10/100/1000/2500 Мбит/с
Перезапуск/сброс	Поддерживается
Индикатор состояния	Поддерживается
Электропитание	Поддерживаются три режима питания: - Стандартное питание PoE: стандарт IEEE 802.3bt, обратно совместим со стандартом IEEE 802.3at - адаптер PoE в пассивном режиме 60 Вт (до дополнительный аксессуар) - Локальный источник питания: 48 В пост. ток a/1 А Примечание: Точка доступа не совместима со стандартом 802.3af (режимы питания и соответствующие скорости передачи данных см. в приложении)
Максимальная потребляемая мощность	не более 40 Вт
Условия окружающей среды	Рабочая температура: от 0°C до 40°C (от 32°F до 104°F)
	Температура хранения: от -40°C до 70°C (от -40°F до 158°F)
	Допустимая влажность при эксплуатации: от 5% до 95% (без конденсации)
	Допустимая влажность при хранении: от 5% до 95% (без конденсации)
Масса	не более 1,8 кг (3,97 фунта, без монтажного кронштейна)
Цвет	Теплый белый

1.4 Индикатор и отверстие для сброса

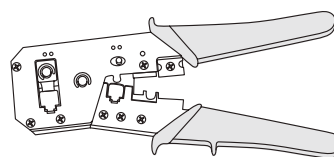
Индикатор	Состояние	Описание
	Синий (горит)	Точка доступа работает правильно, оповещений нет.
	Не горит	На точку доступа не поступает питание.

	Медленно мигает	Точка доступа работает правильно, но возникло сигнальное оповещение.
	Быстро мигает	Возможные варианты: 1. Восстановление заводских настроек точки доступа. 2. Обновление встроенного ПО. 3. Автоматическая обработка оповещений. 4. Запуск точки доступа.
Отверстие для сброса	Возьмите тонкий острый предмет, вставьте его в отверстие для сброса, нажмите на него и удерживайте не более 2 секунд.	Перезапуск точки доступа.
	Возьмите тонкий острый предмет, вставьте его в отверстие для сброса, нажмите на него и удерживайте более 5 секунд.	Восстановление заводских настроек точки доступа.

1.5 Инструменты (предоставляются клиентом)



Крестовая отвертка

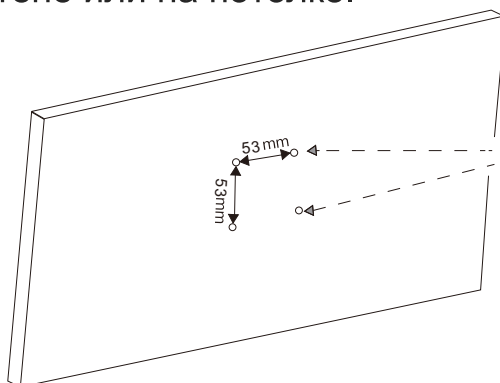


Щипцы для концевой обжимки

1.6 Крепление точки доступа без защитной блокировки

Чтобы закрепить точку доступа с защитной блокировкой, см. раздел «Крепление точки доступа с защитной блокировкой».

1. Просверлите четыре отверстия на расстоянии 53 мм (2,09 дюйма) друг от друга на стене или на потолке.



Просверлите четыре отверстия.

2. Извлеките монтажный кронштейн из упаковки.